

Số: 277 /BC-STC

Vinh Phúc, ngày 08 tháng 10 năm 2018

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý III năm 2018

Căn cứ Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.

Căn cứ Thông tư 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước.

Được sự ủy quyền của UBND tỉnh tại Văn bản số 7936/UBND-KT3 ngày 10/10/2017, Sở Tài chính tỉnh Vinh Phúc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý III năm 2018 như sau:

I. Thu ngân sách nhà nước:

Tổng thu NSNN trên địa bàn dự toán là 29.640.000 triệu đồng, thực hiện quý III năm 2018 là 22.203.497 triệu đồng, đạt 75% dự toán và bằng 109% so cùng kỳ. Trong đó:

1. **Thu nội địa:** Dự toán là 26.690.000 triệu đồng, thực hiện là 18.617.727 triệu đồng, đạt 70% dự toán và bằng 106% so cùng kỳ. Kết quả thu nội địa trong một số lĩnh vực chủ yếu đạt được cụ thể như sau:

- **Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước:** Dự toán là 200.000 triệu đồng, thực hiện 166.239 triệu đồng, đạt 83% dự toán và bằng 53% so cùng kỳ.

- **Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:** Dự toán là 23.112.000 triệu đồng, thực hiện là 14.715.518 triệu đồng, đạt 64% dự toán và bằng 104% so cùng kỳ.

- **Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh:** Dự toán là 1.100.000 triệu đồng, thực hiện là 794.301 triệu đồng, đạt 72% dự toán và bằng 114% so cùng kỳ.

- **Thu tiền sử dụng đất:** Dự toán là 600.000 triệu đồng, thực hiện là 1.269.987 triệu đồng, đạt 212% dự toán và bằng 111% so cùng kỳ.

2. **Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu:** Dự toán là 2.950.000 triệu đồng, thực hiện là 3.541.325 triệu đồng, đạt 120% dự toán và bằng 128% so cùng kỳ.

II. Chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương dự toán là 16.552.178 triệu đồng, thực hiện quý III năm 2018 là 8.208.288 triệu đồng, đạt 50% dự toán và bằng 87% so cùng kỳ. 1e

1. Chi cân đối ngân sách:

Tổng chi cân đối ngân sách dự toán là 16.166.419 triệu đồng, thực hiện quý III năm 2018 là 8.015.992 triệu đồng đạt 50% dự toán và bằng 86% so cùng kỳ

1.1. Chi đầu tư phát triển: Dự toán là 5.730.300 triệu đồng, thực hiện là 2.884.488 triệu đồng, đạt 51% dự toán và bằng 82% so cùng kỳ.

1.2. Chi thường xuyên: Dự toán là 10.021.288 triệu đồng, thực hiện là 5.097.949 triệu đồng, đạt 51% dự toán và bằng 97% so cùng kỳ.

1.3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay: Dự toán là 47.100 triệu đồng, thực hiện là 30.665 triệu đồng đạt 65% so với dự toán và bằng 93% so cùng kỳ.

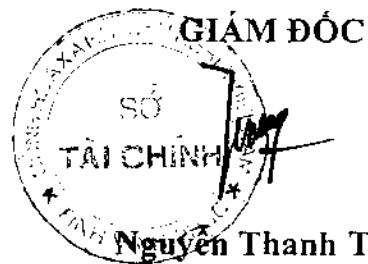
2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP: Dự toán là 267.372 triệu đồng, thực hiện là 98.876 triệu đồng, đạt 37% dự toán.

3. Chi bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới: Dự toán là 118.387 triệu đồng, thực hiện là 93.420 triệu đồng, đạt 79% dự toán.

(Chi tiết tại biểu số 59, 60, 61/CK-NSNN đính kèm) *μ*

Nơi nhận:

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở TT&TT;
- Lưu VT, QLNS. *μ*



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÍ III NĂM 2018



DVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	29.640.000	22.203.497	75	109
I	Thu cân đối NSNN	29.640.000	22.159.052	75	109
1	Thu nội địa	26.690.000	18.617.727	70	106
2	Thu từ dầu thô	0	0		
2	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	2.950.000	3.541.325	120	128
4	Thu viện trợ				
11	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
III	Các khoản huy động đóng góp		44.445		42
B	TỔNG CHI NSDP	16.552.178	8.208.288	50	87
I	Chi cân đối NSDP	16.166.419	8.015.992	50	86
1	Chi đầu tư phát triển	5.730.300	2.884.488	50	82
2	Chi thường xuyên	10.021.288	5.097.949	51	97
3	Chi trả nợ các khoản do chính quyền địa phương vay	47.100	30.665	65	93
4	Chi viện trợ	0	2.890		22
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.510			
6	Dự phòng ngân sách	290.150			
7	Chi tạo nguồn CCTL	76.071			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	267.372	98.876	37	
III	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới	118.387	93.420	79	
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP	378.100			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	125.500	93.939	75	

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÍ III NĂM 2018

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	29.640.000	22.203.497	75	109
I	Thu nội địa	26.690.000	18.617.727	70	106
1	Thu từ khu vực DNNN	200.000	166.239	83	53
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	23.112.000	14.715.518	64	104
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.100.000	794.301	72	114
4	Thuế TN cá nhân	580.000	499.638	86	121
5	Thuế BVMT	340.000	275.001	81	109
6	Lệ phí trước bạ	378.000	271.134	72	137
7	Thu phí lệ phí	85.000	60.541	71	67
8	Các khoản thu về nhà, đất	715.000	1.606.697	225	129
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	-	88	-	232
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	15.000	18.540	124	111
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	600.000	1.269.987	212	111
-	<i>Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước</i>	100.000	318.082	318	389
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>	-	-	-	0
9	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	5.000	10.371	207	98
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp Nhà nước	-	6	-	-
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	25.000	20.698	83	139
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	10.000	32.958	-	157
13	Thu khác ngân sách	140.000	164.625	118	125
II	Thu từ dầu thô	-	-	-	-
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	2.950.000	3.541.325	120	128
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	2.030.000	2.729.151	134	151
2	Thuế xuất khẩu	4.000	3.576	89	58
3	Thuế nhập khẩu	905.000	792.848	88	118
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	10.000	15	-	-
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	1.000	863	86	100
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa NK vào VN	-	99	-	-
7	Thu khác	-	14.773	-	2.676
IV	Thu viện trợ	-	-	-	-
V	Các khoản huy động đóng góp	-	44.445	-	42
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	14.507.474	10.552.908	73	108
1	Từ các khoản thu phân chia	13.194.774	8.414.186	64	105
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	1.312.700	2.138.722	163	127

H

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÍ III NĂM 2018

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN 9 THÁNG	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP (A+B+C)	16.552.178	8.208.288	50	87
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	16.166.419	8.015.992	50	86
I	Chi đầu tư phát triển	5.730.300	2.884.488	50	72
1	Chi đầu tư cho các dự án	5.730.300	2.884.488	50	82
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	10.021.288	5.097.949	51	97
	<i>Trong đó</i>				
1	Chi giáo dục-đào tạo và dạy nghề	2.995.605	1.629.785	54	106
2	Chi khoa học và công nghệ	90.852	53.625	59	266
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	881.356	397.765	45	97
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	159.689	66.678	42	72
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	108.000	48.945	45	197
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	99.175	53.450	54	109
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	228.922	108.133	47	72
8	Chi sự nghiệp kinh tế	2.801.033	1.053.870	38	85
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.647.931	1.028.534	62	105
10	Chi bảo đảm xã hội	530.316	431.977	81	112
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	47.100	30.665	65	93
IV	Chi viện trợ		2.890		22
V	Chi hỗ trợ quỹ dự trữ tài chính	1.510			
VI	Dự phòng ngân sách	290.150			
VII	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	76.071			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	267.372	98.876	37	
	TỪ NSTW CHO NSDP				
1	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu từ nguồn vốn ngoài nước	100.612			
2	Bổ sung vốn đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu từ nguồn vốn trong nước	128.384	63.000	49	
3	Kinh phí sự nghiệp (vốn ngoài nước)	2.500			
4	Thực hiện chính sách mới	35.876	35.876	100	
C	BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	118.387	93.420	79	